

Số: 08 /2017/TT-BCT

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2017

THÔNG TƯ

**Quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa
và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi**

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về thực hiện đăng ký giá, kê khai giá sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi (sau đây gọi là sữa); kê khai giá thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi (sau đây gọi là thực phẩm chức năng). Danh mục sữa, thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thực hiện theo quy định do Bộ Y tế ban hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thương nhân kinh doanh sữa, thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

2. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về quản lý giá.

Chương II

ĐĂNG KÝ GIÁ

Điều 3. Đối tượng thực hiện đăng ký giá

1. Thương nhân sản xuất, nhập khẩu sữa thực hiện đăng ký giá với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Thông tư này trong thời gian Nhà nước thực hiện bình ổn giá bằng biện pháp đăng ký giá.

2. Bộ Công Thương công bố danh sách các thương nhân thực hiện đăng ký giá đối với các thương nhân có khả năng tác động vào sự hình thành và vận động của giá trên phạm vi toàn quốc.

Định kỳ vào ngày 01 tháng 07 hàng năm hoặc trường hợp đột xuất, Bộ Công Thương rà soát danh sách thương nhân thực hiện đăng ký giá và thông báo điều chỉnh danh sách này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố danh sách thương nhân thực hiện đăng ký giá trên địa bàn trừ các thương nhân thuộc danh sách do Bộ Công Thương công bố.

Định kỳ vào ngày 01 tháng 07 hàng năm hoặc trong trường hợp đột xuất, Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, thông báo điều chỉnh danh sách các thương nhân thực hiện đăng ký giá sữa trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Giá đăng ký

1. Thương nhân sản xuất, nhập khẩu sữa đăng ký giá bán lẻ khuyến nghị và có trách nhiệm thông báo kịp thời mức giá bán lẻ khuyến nghị đã đăng ký đối với hệ thống các thương nhân phân phối sản phẩm của mình.

2. Mức giá bán lẻ của các thương nhân phải được niêm yết và không được vượt quá mức giá bán lẻ khuyến nghị đã đăng ký.

3. Mức giá bán lẻ khuyến nghị đã đăng ký là cơ sở để cơ quan tiếp nhận đăng ký giá và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện quản lý nhà nước về giá và công bố cho người tiêu dùng.

4. Thương nhân sản xuất, nhập khẩu sữa có thể thực hiện đăng ký các mức giá bán lẻ khuyến nghị phù hợp với từng khu vực địa lý nhất định.

Điều 5. Thực hiện đăng ký giá

1. Thương nhân lập Biểu mẫu đăng ký giá và gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận theo một trong các hình thức sau:

a) Gửi trực tiếp: hai (02) bản tại Văn phòng cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu (kèm 01 phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của thương nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị);

b) Gửi qua đường công văn: hai (02) bản cho cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu (kèm 01 phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của thương nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị);

c) Gửi qua thư điện tử kèm chữ ký điện tử hoặc kèm bản scan Biểu mẫu có chữ ký và dấu theo địa chỉ đã được cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu thông báo hoặc gửi qua fax và đồng thời gửi bổ sung 01 bản chính thức qua đường công văn để cơ quan tiếp nhận lưu hồ sơ.

2. Biểu mẫu đăng ký giá thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá

1. Quy trình tiếp nhận trực tiếp Biểu mẫu

a) Trường hợp Biểu mẫu có đủ thành phần, số lượng theo quy định, cơ quan tiếp nhận đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm vào Biểu mẫu và trả ngay 01 bản Biểu mẫu cho thương nhân;

b) Trường hợp Biểu mẫu không đủ thành phần, số lượng theo quy định, cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu ghi rõ lý do trả lại, các nội dung cần bổ sung và trả lại ngay Biểu mẫu cho thương nhân.

2. Quy trình tiếp nhận Biểu mẫu qua đường công văn, fax, thư điện tử

a) Trường hợp Biểu mẫu có đủ thành phần, số lượng theo quy định, cơ quan tiếp nhận đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm vào Biểu mẫu và gửi ngay theo đường bưu điện 01 bản cho thương nhân;

b) Trường hợp Biểu mẫu không đủ thành phần, số lượng theo quy định, tối đa không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản, fax, thư điện tử cho thương nhân để bổ sung thành phần, số lượng Biểu mẫu.

Điều 7. Rà soát Biểu mẫu đăng ký giá

1. Nội dung rà soát Biểu mẫu đăng ký giá bao gồm:

a) Ngày thực hiện mức giá đăng ký;

b) Bảng đăng ký mức giá cụ thể;

c) Các khoản mục chi phí cấu thành giá;

d) Giải trình lý do điều chỉnh giá;

đ) Kiểm tra tính hợp lý của các yếu tố hình thành giá.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Biểu mẫu hợp lệ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này mà cơ quan tiếp nhận không yêu cầu thương nhân giải trình về các nội dung của Biểu mẫu, thương nhân được mua, bán theo mức giá đăng ký.

3. Trường hợp thương nhân giải trình các lý do điều chỉnh giá không phù hợp, không liên quan đến việc tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ hoặc trong thời hạn tối đa không quá 04 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Biểu mẫu, cơ quan tiếp nhận gửi thông báo bằng văn bản, fax, thư điện tử nêu rõ lý do và yêu cầu thương nhân chưa áp dụng mức giá đang đăng ký.

4. Đối với trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, thời hạn đề thương nhân giải trình và gửi văn bản giải trình, tài liệu chứng minh tối đa không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu thông báo bằng văn bản yêu cầu thương nhân giải trình.

5. Thời hạn rà soát nội dung văn bản giải trình tối đa không quá 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản giải trình tính theo dấu công văn đến của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu. Hết thời hạn trên, nếu cơ quan này không có văn bản yêu cầu thương nhân giải trình lại thì thương nhân được điều chỉnh giá theo mức giá và thời gian điều chỉnh đã đề xuất.

Điều 8. Thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá

1. Bộ Công Thương tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các thương nhân thuộc Danh sách do Bộ Công Thương công bố.

2. Các Sở Công Thương tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các thương nhân thuộc Danh sách do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của thương nhân trên địa bàn.

CHƯƠNG III KÊ KHAI GIÁ

Điều 9. Đối tượng kê khai giá

1. Thương nhân kinh doanh sản phẩm sữa, thực phẩm chức năng thực hiện kê khai giá với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định ngoài thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá.

2. Bộ Công Thương công bố danh sách các thương nhân thực hiện kê khai giá đối với các thương nhân có khả năng tác động vào sự hình thành và vận động của giá trên phạm vi toàn quốc.

Định kỳ vào ngày 01 tháng 07 hàng năm hoặc trường hợp đột xuất, Bộ Công Thương rà soát danh sách thương nhân thực hiện kê khai giá và thông báo điều chỉnh danh sách này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố danh sách thương nhân thực hiện kê khai giá trên địa bàn trừ các thương nhân thuộc danh sách do Bộ Công Thương công bố.

Định kỳ vào ngày 01 tháng 07 hàng năm hoặc trong trường hợp đột xuất, Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, thông báo điều chỉnh danh sách các thương nhân thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Giá kê khai

1. Thương nhân sản xuất, nhập khẩu kê khai giá bán lẻ khuyến nghị đối với hệ thống các thương nhân phân phối sản phẩm của mình.

2. Mức giá bán lẻ của các thương nhân phải được niêm yết công khai. Trường hợp giá bán lẻ của các thương nhân phân phối vượt quá mức giá bán lẻ khuyến nghị đã kê khai của thương nhân sản xuất, nhập khẩu, các thương nhân này phải kê khai giá bán lẻ của mình cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Mức giá bán lẻ khuyến nghị là cơ sở để cơ quan tiếp nhận kê khai giá và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện quản lý nhà nước về giá, công bố công khai cho người tiêu dùng.

4. Thương nhân sản xuất, nhập khẩu có thể thực hiện kê khai các mức giá bán lẻ khuyến nghị phù hợp với từng khu vực địa lý nhất định.

Điều 11. Thực hiện kê khai giá

1. Thương nhân lập Biểu mẫu kê khai giá và gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận theo một trong các hình thức sau:

a) Gửi trực tiếp: hai (02) bản tại Văn phòng cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu (kèm 01 phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của thương nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị).

b) Gửi qua đường công văn: hai (02) bản cho cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu (kèm 01 phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của thương nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị).

c) Gửi qua thư điện tử kèm chữ ký điện tử hoặc kèm bản scan Biểu mẫu có chữ ký và dấu theo địa chỉ đã được cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu thông báo hoặc gửi qua fax và đồng thời gửi bổ sung 01 bản chính thức qua đường công văn để cơ quan tiếp nhận lưu hồ sơ.

2. Biểu mẫu kê khai giá thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 12. Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá

1. Quy trình tiếp nhận Biểu mẫu

a) Trường hợp Biểu mẫu có đủ thành phần, nội dung theo quy định, cơ quan tiếp nhận đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm vào Biểu mẫu và gửi ngay theo đường công văn 01 bản cho thương nhân;

b) Trường hợp Biểu mẫu không đủ thành phần, nội dung theo quy định, tối đa không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản, fax, thư điện tử cho thương nhân để bổ sung thành phần, nội dung Biểu mẫu.

2. Tổ chức cá nhân thực hiện kê khai giá có trách nhiệm hoàn thiện đầy đủ thành phần nội dung Biểu mẫu theo quy định và nộp lại cho cơ quan tiếp nhận trong vòng tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan tiếp nhận thông báo qua đường công văn, fax, thư điện tử yêu cầu bổ sung hồ sơ.

3. Trường hợp kê khai giảm giá, tổ chức, cá nhân kinh doanh sửa và thực phẩm chức năng thực hiện giảm giá ngay, đồng thời gửi đến cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu theo quy trình quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Điều 13. Thẩm quyền tiếp nhận Văn bản kê khai giá

1. Bộ Công Thương tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá của các thương nhân thuộc danh sách các đơn vị thực hiện kê khai giá tại Bộ Công Thương.

2. Sở Công Thương tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá của các thương nhân quy định tại Khoản 3 Điều 9 và các thương nhân thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Thông tư này có đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá của thương nhân trên địa bàn.

Chương IV

QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ GIÁ, KÊ KHAI GIÁ

Điều 14. Quyền và trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá

1. Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá có các quyền sau:

a) Sử dụng mức giá do tổ chức, cá nhân đăng ký, kê khai vào mục đích phân tích, tổng hợp, dự báo biến động giá cả thị trường và xây dựng cơ sở dữ liệu về giá;

b) Kiểm tra các yếu tố hình thành giá, công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước về giá;

c) Rà soát các nội dung kê khai giá do tổ chức, cá nhân kê khai; yêu cầu các thương nhân thực hiện kê khai giá báo cáo về mức giá kê khai phù hợp với biến động của các yếu tố hình thành giá trong trường hợp cần thiết để phục vụ công tác quản lý nhà nước về giá;

d) Trường hợp thương nhân phân phối bán lẻ phải thực hiện kê khai giá, cơ quan tiếp nhận biểu mẫu kê khai giá có quyền yêu cầu thương nhân báo cáo các nội dung chi phí làm tăng giá bán lẻ so với giá bán lẻ khuyến nghị đã kê khai của thương nhân sản xuất, nhập khẩu.

2. Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá có các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện đúng quy định về tiếp nhận đăng ký giá, kê khai giá bán sữa, thực phẩm chức năng do thương nhân kinh doanh đăng ký, kê khai;

b) Có trách nhiệm bảo mật mức giá đăng ký, kê khai của thương nhân trong thời gian mức giá đăng ký, kê khai chưa có hiệu lực thực hiện;

c) Kiểm tra và giám sát việc thực hiện giá bán sản phẩm trên thị trường của thương nhân kinh doanh như đã đăng ký hoặc kê khai.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân thực hiện đăng ký giá, kê khai giá

1. Thương nhân thực hiện đăng ký giá, kê khai giá, thương nhân khác có các quyền sau:

a) Thương nhân sản xuất, nhập khẩu có quyền tự xác định giá bán lẻ khuyến nghị đối với sản phẩm sữa và thực phẩm chức năng đến người tiêu dùng cuối cùng theo quy định của pháp luật hiện hành về giá;

b) Thông báo điều chỉnh giá theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này thay cho kê khai giá khi điều chỉnh giá trong phạm vi 5% so với mức giá đã kê khai hoặc thông báo liên kế trước đó. Trường hợp lũy kế các lần thông báo điều chỉnh vượt mức 5% so với mức giá đã kê khai hoặc thông báo liên kế trước đó, thương nhân phải thực hiện kê khai giá theo quy định tại Thông tư này.

2. Thương nhân thực hiện đăng ký giá, kê khai giá có các nghĩa vụ sau:

a) Có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký giá, kê khai giá theo quy định của pháp luật và quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá đăng ký, kê khai;

b) Công bố trên trang điện tử của thương nhân hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng về mức giá đăng ký, mức giá kê khai và công khai trong toàn bộ hệ thống phân phối của mình khi giá hàng hóa được điều chỉnh;

c) Thông báo bằng văn bản về hệ thống phân phối của mình đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền được phân công tiếp nhận Văn bản đăng ký giá, kê khai giá theo mẫu tại Phụ lục số 4;

d) Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm sữa và thực phẩm chức năng của mình trong phạm vi cả nước;

đ) Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký giá, kê khai giá.

3. Thương nhân khác có các nghĩa vụ sau:

a) Niêm yết công khai giá bán theo quy định của pháp luật;

b) Bán sản phẩm sữa, thực phẩm chức năng theo quy định của Điều 4 và Điều 10 Thông tư này.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng theo dõi diễn biến thị trường sữa và đề xuất Chính phủ các biện pháp bình ổn giá sữa theo thẩm quyền khi thị trường sữa có biến động bất thường;

b) Tiếp nhận, rà soát đăng ký giá, kê khai giá theo quy định tại Thông tư này;

c) Tổng hợp, công khai thông tin về mức giá khuyến nghị đã đăng ký, kê khai của các thương nhân thực hiện đăng ký, kê khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về giá sữa và thực phẩm chức năng tại địa phương giám sát mức giá bán lẻ đã được đăng ký, kê khai đó;

d) Kiểm tra, giám sát thương nhân sản xuất, kinh doanh sữa và thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi tại thị trường Việt Nam;

đ) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, rà soát công bố danh sách đơn vị đăng ký giá tại trung ương, thông báo điều chỉnh danh sách này;

e) Định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về giá đối với các thương nhân kinh doanh sữa, thực phẩm chức năng theo quy định tại Thông tư này.

2. Vụ Thị trường trong nước chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Công bố danh sách thương nhân đăng ký giá, kê khai giá tại tỉnh;

b) Phân công cụ thể về thẩm quyền kiểm tra, giám sát, tiếp nhận văn bản kê khai giá, đăng ký giá trên địa bàn tỉnh;

c) Thực hiện các quy định tại Điều 3 và Điều 9 của Thông tư này đối với các thương nhân thực hiện đăng ký giá, kê khai giá tại tỉnh; trong trường hợp cần thiết, phân cấp việc tiếp nhận, rà soát văn bản đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá tại tỉnh;

d) Kiểm tra, giám sát thương nhân kinh doanh sữa và thực phẩm chức năng thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh;

đ) Báo cáo mức giá đăng ký hoặc kê khai của các thương nhân trên địa bàn thực hiện đăng ký, kê khai tại Sở Công Thương hoặc báo cáo theo yêu cầu đột xuất về Bộ Công Thương;

e) Phối hợp với Bộ Công Thương giám sát việc thực hiện giá bán lẻ của thương nhân kinh doanh sữa và thực phẩm chức năng đến người tiêu dùng.

4. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan tại địa phương liên quan thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2017.

2. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các thương nhân sản xuất, nhập khẩu thông báo bằng văn bản danh mục giá bán lẻ khuyến nghị đối với các sản phẩm đang bán trên thị trường nhưng chưa có giá

bán lẻ khuyến nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Công Thương để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn Phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Website Chính phủ;
- Công báo;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Bộ Tư pháp);
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, TTTN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(đã ký)

Hồ Thị Kim Thoa

Phụ lục số 1: BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ GIÁ

Tên đơn vị đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/.....
V/v: đăng ký giá

... , ngày ... tháng ... năm

Kính gửi: (Tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá)

Thực hiện Thông tư sốngày..... của Bộ Công Thương.
... (tên đơn vị đăng ký) gửi Biểu mẫu đăng ký giá gồm các văn bản và nội dung sau:

1. Bảng đăng ký mức giá bán cụ thể.

2. Giải trình lý do điều chỉnh giá (trong đó có giải thích việc tính mức giá cụ thể áp dụng theo các hướng dẫn, quy định về phương pháp tính giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành)

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /.....

... (tên đơn vị đăng ký) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà đơn vị đã đăng ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:.....
- Số điện thoại liên lạc:.....
- Số fax:

Ghi nhận ngày nộp Biểu mẫu đăng ký giá của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá

1. (Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Biểu mẫu đăng ký giá và đóng dấu công văn đến)

2. Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trên, nếu cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu không có ý kiến yêu cầu tổ chức, cá nhân không được thực hiện mức giá đăng ký mới hoặc phải giải trình về các nội dung của Biểu mẫu thì tổ chức, cá nhân được mua, bán theo mức giá đăng ký.

Tên đơn vị thực hiện
đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA ĐĂNG KÝ GIÁ**

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

(Đối với mặt hàng nhập khẩu)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU
CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
A	Sản lượng nhập khẩu			
B	Giá vốn nhập khẩu			
1	Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)			
2	Thuế nhập khẩu			
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
4	Các khoản thuế, phí khác (nếu có)			
5	Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)			
C	Chi phí chung			
6	Chi phí tài chính (nếu có)			
7	Chi phí bán hàng			
8	Chi phí quản lý			
D	Tổng chi phí			
Đ	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm			
E	Lợi nhuận dự kiến			
G	Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định			
H	Giá bán dự kiến			

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)
2. Thuế nhập khẩu
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
4. Các khoản thuế, phí khác (nếu có)
5. Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)
6. Chi phí tài chính (nếu có)
7. Chi phí bán hàng
8. Chi phí quản lý
9. Lợi nhuận dự kiến
10. Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định
11. Giá bán dự kiến

Tên đơn vị thực hiện
đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA ĐĂNG KÝ GIÁ**

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp				
1.3	Chi phí sản xuất chung:				
a	<i>Chi phí nhân viên phân xưởng</i>				
b	<i>Chi phí vật liệu</i>				
c	<i>Chi phí dụng cụ sản xuất</i>				
d	<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>				
đ	<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>				
e	<i>Chi phí bằng tiền khác</i>				
	Tổng chi phí sản xuất :				
2	Chi phí bán hàng				
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				
4	Chi phí tài chính				
	Tổng giá thành toàn bộ				
5	Lợi nhuận dự kiến				
	Giá bán chưa thuế				
6	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)				
7	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)				
	Giá bán (đã có thuế)				

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Chi phí sản xuất
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Chi phí tài chính
5. Lợi nhuận dự kiến
6. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
7. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
8. Giá bán (đã có thuế)

Phụ lục số 2: MẪU VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ

Tên đơn vị thực hiện
kê khai giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/.....

....., ngày ... tháng ... năm

V/v kê khai giá hàng hóa, dịch vụ
bán trong nước

Kính gửi:(tên cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá....)

Thực hiện Thông tư số ngày của Bộ Công Thương.

... (tên đơn vị kê khai giá) gửi Bảng kê khai mức giá hàng hoá, dịch vụ bán trong nước (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / /

... (tên đơn vị kê khai giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai:
- Số điện thoại liên lạc:
- Email:
- Số fax:

**Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá
của cơ quan tiếp nhận**

(Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Văn bản kê khai giá
và đóng dấu công văn đến)

Tên đơn vị thực hiện
kê khai giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1. Mức giá kê khai (bán buôn, bán lẻ): Các mức giá tại các địa bàn, khu vực khác nhau (nếu có).

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú

2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

3. Ghi rõ các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng, các điều kiện vận chuyển, giao hàng, bán hàng kèm theo mức giá kê khai (nếu có).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / /

Ghi chú:

Mức giá kê khai là mức giá bán dự kiến đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) đã bao gồm thuế giá trị gia tăng cho 01 đơn vị sản phẩm. Trường hợp lần đầu thực hiện kê khai giá với cơ quan quản lý nhà nước về giá đối với sản phẩm mới thì gửi kèm theo Bảng xây dựng hình thành mức giá bán hàng hóa, dịch vụ.

Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu kê khai giá bán lẻ khuyến nghị cùng với giá bán buôn thực tế của doanh nghiệp.

Phụ lục số 3: MẪU THÔNG BÁO MỨC GIÁ

Tên đơn vị thực hiện
thông báo giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/.....

....., ngày ... tháng ... năm

V/v thông báo mức giá điều chỉnh
tăng, giảm giá hàng hóa, dịch vụ bán
trong nước trong phạm vi 5% so với
mức giá đã kê khai hoặc thông báo
liền kề trước đó

Kính gửi:(tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu thông báo giá....)

Thực hiện Thông tư số ngày của Bộ Công Thương.

... (tên đơn vị thông báo giá) thông báo mức giá sửa hoặc thực phẩm chức năng bán trong nước điều chỉnh trong phạm vi 5% so với mức giá đã kê khai hoặc thông báo liền kề trước đó (Bảng thông báo mức giá đính kèm).

Mức giá này thực hiện từ ngày/.... /

... (tên đơn vị thông báo giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:

- Địa chỉ đơn vị thực hiện thông báo giá:

- Số điện thoại liên lạc:

- Email:

- Số fax:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi nhận ngày nộp Thông báo mức giá
của cơ quan tiếp nhận**

(Cơ quan tiếp nhận Văn bản thông báo giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Thông báo mức giá và đóng dấu công văn đến)

Tên đơn vị thực hiện
thông báo giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm

BẢNG THÔNG BÁO GIÁ BÁN LẺ TRONG NƯỚC

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1. Thông báo giá bán lẻ trong nước: Các mức giá tại các địa bàn, khu vực khác nhau (nếu có).

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai/thông báo liền kề trước	Mức giá thông báo	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú

2. Mức giá thông báo này thực hiện từ ngày / /

Ghi chú:

Mức giá thông báo là mức giá bán dự kiến đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có), đã bao gồm thuế giá trị gia tăng cho 01 đơn vị sản phẩm.

Phụ lục số 4: MẪU THÔNG BÁO HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Tên đơn vị thực hiện
thông báo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/.....

....., ngày ... tháng ... năm

V/v thông báo hệ thống phân phối

Kính gửi:(tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu thông báo....)

Thực hiện Thông tư số ngày của Bộ Công Thương.

... (tên đơn vị thông báo) thông báo hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ sản phẩm sữa, thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi (Bảng thông báo đính kèm).

Hệ thống phân phối này cập nhật từ ngày / /

... (tên đơn vị thông báo giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông báo này./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:

- Địa chỉ đơn vị thực hiện thông báo:

- Số điện thoại liên lạc:

- Email:

- Số fax:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi nhận ngày nộp Thông báo
của cơ quan tiếp nhận**

Tên đơn vị thực hiện
thông báo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm

BẢNG THÔNG BÁO HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1. Thông báo hệ thống phân phối trong nước:

STT	TÊN CƠ SỞ KINH DOANH	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐIỆN THOẠI	GHI CHÚ

2. Hệ thống phân phối cập nhật ngày/...../.....